

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 4 - 2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Út.

Ông Đinh Tấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đàm C, xã Trần T, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh T, xã Hàm R, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Năm 1996 ông P có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với bà H, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn do không biết quy định của pháp luật.

Lý do ông P yêu cầu ly hôn với bà H: Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt nên ông P yêu cầu ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Khang H, sinh năm 1998 (nam) và Nguyễn Khang D, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2001 (nam). Khi ly hôn ông P tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Ông P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 18 tháng 02 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:**

- Về hôn nhân: Đúng như lời trình bày của ông P, vào năm 1996 bà H và ông P kết hôn với nhau, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn do không biết quy định của pháp luật.

Mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra, nguyên nhân do vào khoảng năm 2011 ông P đi làm ăn xa, lâu lâu mới về nhà một lần nên tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà H đồng ý ly hôn với ông P vì hôn nhân tiếp tục duy trì không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Khang H, sinh năm 1998 (nam) và Nguyễn Khang D, sinh ngày 29/8/2001 (nam). Khi ly hôn bà H tự thỏa thuận việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Ông P và bà H vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Thanh P yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc H ngoài ra không có yêu cầu gì khác, tranh chấp giữa ông P với bà H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Ngọc H có đơn xin vắng mặt các phiên xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Ngọc H.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Ngọc H sau thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân, hôn nhân có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán địa phương từ năm 1996, hôn nhân đến nay vẫn chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật do không biết quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống giữa ông P và bà H thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và do vào năm 2011 ông P đi làm ăn xa, lâu lâu mới về nhà thăm gia đình một lần nên tình cảm vợ chồng ông P, bà H dần dần phai nhạt. Mục đích hôn nhân không đạt nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên ông P yêu cầu ly hôn với bà H, bà H đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông P và bà H, việc ông P và bà H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên áp dụng khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Ngọc H.

- Về nuôi con chung, chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch ông Nguyễn Thanh P phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông P được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Ngọc H.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông P được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016322 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Khánh